

PHỤ LỤC DANH MỤC THI

Gói số 01: Gói thầu Thuốc

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-SYT ngày thu

STT	Mã hàng	Thông tư số 20	Nhóm TCKT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1								
1	G10220	1007	2	Totcal Soft capsule	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 0,1mg	Viên nang mềm	Uống
2	G11143	922	1	Torendo Q - Tab 2mg	Risperidon	2mg	Viên nén phân tán trong miệng	Uống
Công ty Cổ phần Traphaco								
3	G11171	637	4	Dibetalic	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	(450mg + 9,6mg)/15g	Thuốc mỡ bôi da	Dùng ngoài
4	G11170	962	1	Buto-Asma	Salbutamol sulfat	100mcg/liều	Khí dung đã chia liều	Đường hô hấp
Công ty cổ phần dược phẩm & thiết bị y tế Phúc Lộc								
5	G10536	106	3	Fegra 180	Fexofenadin	180mg	Viên nén bao phim	Uống
Công ty TNHH Dược phẩm HQ								

6	G10233	606	4	Pomonolac	Calcipotriol	0,75mg	Thuốc mỡ bôi da	Dùng ngoài
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRUNG ƯƠNG CODUPHA								
7	G10905	666	4	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%;500 ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền
8	G11138	1001	4	LACTATED RINGER'S	Ringer lactat	500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền
Công ty TNHH Dược Phẩm Tín Đức								
9	G10735	917	1	Tisercin	Levomepromazin	25mg	viên nén bao phim	uống
10	G11072	949	1	Piracetam-Egis	Piracetam	400mg	viên nén bao phim	uống
Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức								
11	G10966	920	2	Zapnex-5	Olanzapin	5mg	Viên nén bao phim	Uống

12	G11247	423	4	Tacropic 0,03%	Tacrolimu s	0,03%	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Dùng ngoài
13	G11196	451	4	Enpovid FE- FOLIC	Sắt sulfat + acid folic	60mg + 0,25mg	Viên nang cứng	Uống
Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy								
14	G10397	616	4	Crotamito n Stella 10%	Crotamito n	2g/20g	kem bôi da	dùng ngoài
15	G10760	109	3	Lorastad 10 Tab.	Loratadin	10mg	viên nén	uống
16	G11078	949	1	Pracetam 800	Piracetam	800mg	viên nén bao phim	uống
Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức								
17	G11371	1031	4	Hasan-C 500	Vitamin C	500mg	Viên nén sủi bọt	Uống
Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà								

18	G11292	925	1	Grandaxin	Tofisopam	50mg	Viên nén	Uống
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC								
19	G10954	633	4	Nước oxy già 3%	Nước oxy già	(3%), mỗi 20ml chứa 1,2g, chai 60ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2								
20	G10179	95	1	Bilaxten	Bilastine	20mg	Viên nén	Uống
Công ty TNHH Dược Phẩm Tây Sơn								
21	G10039	599	4	Tradalen	Adapalen	0,1%; 10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài
22	G10870	628	4	Thazolxen	Mometason furoat	(0,1g/100g); 5g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài
Công ty TNHH Dược Phẩm Phạm Anh								
23	G10565	624	4	Fucipa-B	Fusidic acid + betamethason	(100mg + 5mg); 5g	Thuốc kem bôi da	Dùng ngoài

	Công ty TNHH Dược Phẩm Anh Mỹ							
24	G10407	101	4	DESLOM EYER	Desloratad in	Mỗi 5ml chứa Desloratad in 2,5mg	Dung dịch uống	Uống
	Công Ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Nguyễn Dương							
25	G11335	938	2	Ventizam 37,5	Venlafaxi n	37,5 mg	Viên nén	Uống
	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Sen							
26	G10632	754	4	Forsancort	Hydrocort ison	1%/15g	Kem bôi da	Dùng ngoài
	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh							
27	G11156	113	1	Rupafin	Rupatadin e	10mg	Viên nén	Uống
28	G11157	113	1	Rupafin	Rupatadin e	120mg/12 0ml	Dung dịch uống	Uống
	Công ty TNHH DP Đức Anh - vn0304819721							
29	G10455	913	1	Sulbenin 5mg/Tab	Donepezil	5mg	Viên nén bao phim	Uống
30	G10965	920	1	Nykob 5mg	Olanzapin	5mg	Viên phân tán tại miệng	Uống
	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim							

31	G10462	247	1	Cyclindox 100mg	Doxycycli n	Doxycycli n (dưới dạng Doxycycli n hyclat)	Viên nang cứng	Uống
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên								
32	G10370	610	4	Derminate	Clobetasol propionat	0,05%; 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài
Công Ty Cổ Phần Dược Đại Nam								
33	G10412	101	2	Desbebe	Desloratad in	30mg/60m l	Si rô	Uống
Công ty TNHH Dược phẩm Niềm Tin								
34	G11261	308	4	Mudisil 250	Terbinafin (hydroclor id)	250mg	Viên nén	Uống
CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA								
35	G10544	344	3	MIRENZI NE 5	Flunarizin	5mg	Viên nén	Uống
36	G10610	992	4	GLUCOS E 5%	Glucose	5%/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch
37	G11323	157	5	BRAIPOR IN SYRUP	Valproat natri	200mg/5m l; 100ml	Siro uống	Uống
Công ty cổ phần dược phẩm Nhật Quang								

38	G10842	755	3	Methylprednisolon 4mg	Methylprednisolon	4mg	Viên nén	Uống
Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Và Dược Phẩm Nguyên Phát								
39	G11342	1022	4	Vitamin AD	Vitamin A + D3	4000UI + 400UI	Viên nang mềm	Uống
CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM								
40	G10995	56	1	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên nén	Uống
Công ty Cổ phần Dược phẩm IP								
41	G10672	300	1	Spulit	Itraconazole	100mg	Viên nang cứng	Uống
Công ty TNHH đầu tư nhập khẩu dược Đông Nam á								
42	G10971	682	1	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Omeprazole	40mg	Viên nang kháng acid dạ dày	Uống
Công Ty TNHH Dược Phẩm AT & C								

43	G10684	724	4	A.T Zinc siro	Kẽm gluconat	70mg/5ml	Dung dịch uống	Uống
Công ty Cổ phần Dược Danapha								
44	G10375	910	4	Aminazin 25mg	Clorproma zin	25mg	Viên nén bao đường	Uống
45	G10532	106	3	Danapha - Telfadin	Fexofenad in	60mg	Viên nén bao phim	Uống
46	G10549	931	2	Nufotin	Fluoxetin	20mg	Viên nang cứng	Uống
47	G10566	149	2	Neupenca p	Gabapenti n	300mg	Viên nang cứng	Uống
48	G10623	916	4	Haloperid ol 2mg	Haloperid ol	2mg	Viên nén	Uống
49	G10717	151	2	Levpiram	Levetirace tam	500mg	Viên nén bao phim	Uống
50	G10967	920	3	Olanxol	Olanzapin	10mg	Viên nén bao phim	Uống
51	G11058	154	4	Phenytoin 100mg	Phenytoin	100mg	Viên nén	Uống
52	G11144	922	3	Risdontab 2	Risperido n	2mg	Viên nén bao phim	Uống
53	G11243	923	2	Sulpirid 50mg	Sulpirid	50mg	Viên nén	Uống

54	G11324	157	4	Dalekine 500	Valproat natri	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống
Công ty CPDP Minh Dân								
55	G10859	221	4	Metronida zol 250mg	Metronida zol	250mg	Viên nén	Uống
Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm								
56	G10977	205	2	Oxacillin IMP 500mg	Oxacilin	500mg	Viên nang cứng	Uống
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO								
57	G10727	234	4	Dovocin 750 mg	Levofloxa cin	750mg	Viên nén bao phim	Uống
Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long								
58	G10079	928	2	Amitriptyl ine Hydrochlo ride 25mg	Amitriptyl in hydroclori d	25mg	Viên nén bao phim	Uống
Công ty CP Dược Phẩm Agimexpharm								

59	G10683	724	4	ZINC 10	Kẽm gluconat	10mg	Viên nén	Uống
60	G11340	1021	4	AGIREN YL	Vitamin A	5.000IU	Viên nang	Uống
Công ty CPDP Vĩnh Phúc								
61	G11378	1034	4	Vinpha E	Vitamin E	400IU	Viên nang mềm	Uống
Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa								
62	G10848	755	3	Methylprednisolon 16	Methylprednisolon	16mg	Viên nén	Uống
63	G11381	1037	4	Vitamin PP	Vitamin PP	500mg	Viên nén bao phim	Uống
CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD STAR PHARM								
64	G11338	950	2	VINCEST AD 5	Vinpocetin	5mg	Viên nén	Uống
Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận								

65	G10152	226	4	Zaromax 250	Azithromy cin	250mg	Viên nén bao phim	Uống
66	G10575	213	4	Gentamici n 80mg	Gentamici n	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm
67	G11322	157	5	Encorate	Valproat natri	200mg	Viên nén bao phim tan ở ruột	Uống
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG								
68	G10175	747	4	Betametha son	Betametha son	0,064%/3 0g	Gel bôi da	Dùng ngoài
69	G10381	609	4	Cafunten	Clotrimaz ol	1%/10g	Kem bôi da	Dùng ngoài
70	G10383	310	4	Lobetasol	Clotrimaz ol + Betametha son	100mg + 6,4mg	Kem bôi da	Dùng ngoài

71	G10690	301	4	Ketoconazol	Ketoconazol	2%/10g	Kem bôi da	Dùng ngoài
72	G10861	221	4	Gelacmeigel	Metronidazol	1%-15g	Gel bôi da	Dùng ngoài
73	G11106	155	4	Topgalin 300	Pregabalin	300mg	Viên nang cứng	Uống

UỐC TRÚNG THẦU

Generic năm 2023

áng năm 2024 của Sở Y tế Ninh Thuận)

Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	SDK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên Nhà thầu	Mã nhà thầu
Hộp 20 vỉ x 5 viên	36	VN-20600-17	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	3,900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1123001
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VN-22952-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	18,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1	1123001
Hộp 1 tube 15g	24	VD-23251-15	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Tube	14,200	Công ty Cổ phần Traphaco	1123002
Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	36	VN-16442-13	Laboratorio Aldo-Unión SL.	Tây Ban Nha	Bình	50,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội	1123004
Hộp 01 vỉ x 10 viên	36	VD-20324-13	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	4,900	Công ty cổ phần dược phẩm & thiết bị y tế Phúc Lộc	1123016

Hộp 1 tuýp 15g	24	VD-27096-17	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Tuýp	120,000	Công ty TNHH Dược phẩm HQ	1123018
Thùng 20 chai	24	893110118423	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	6,100	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1123028
Thùng 20 chai	24	893110118323	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	6,680	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn	1123028
Hộp 1 lọ 50 viên	60	599110027023 (VN-19943-16)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	viên	1,365	Công ty TNHH Dược Phẩm Tín Đức	1123029
Hộp 1 lọ 60 viên	36	VN-16481-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	viên	1,440	Công ty TNHH Dược Phẩm Tín Đức	1123029
Hộp 6 vỉ (Alu-Alu) x 10 viên; hộp 10 (PVC-Alu) vỉ x 10 viên	36	VD-27457-17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	415	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	1123031

Hộp 1 tuýp 10g	36	VD-32813- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Tuýp	48,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức	1123031
Hộp 10 vi x 10 viên	36	VD-20049- 13	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	800	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐÔ THÀNH	1123032
Hộp 1 tuýp 20g	24	VD-24574- 16	Công ty TNHH Liên doanh Stellaphar m	Việt Nam	tuýp	24,000	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	1123033
Hộp 2 vi x 10 viên	60	VD-23354- 15	Công ty TNHH Liên doanh Stellaphar m - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	850	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	1123033
Hộp 6 vi x 15 viên	36	VD-18538- 13	Công ty TNHH Liên doanh Stellaphar m - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	1,225	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy	1123033
Hộp 3 vi, 5 vi, 10 vi x 4 viên	24	VD-36242- 22	Công ty TNHH Hasan - Dermapha rm	Việt Nam	viên	1,197	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức	1123037

Hộp 2 vỉ x 10 viên	36	VN-15893-12	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Viên	8,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà	1123039
Chai 60ml	36	VD-33500-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	1,890	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC	1123042
Hộp 1 vỉ x 10 viên	60	VN2-496-16	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	Ý	Viên	9,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2	1123043
Hộp 01 tuýp 10g	36	VD-33081-19	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	61,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tây Sơn	
Hộp 01 tuýp 5g	36	VD-33080-19	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	34,900	Công ty TNHH Dược Phẩm Tây Sơn	1123044
Hộp 1 tuýp 5g	24	VD-31488-19	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Tuýp	17,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Phạm Anh	1123049

Hộp 20 gói x 5ml	24	VD-32323-19	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Gói	1,575	Công ty TNHH Dược Phẩm Anh Mỹ	1123051
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VD-29135-18	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	3,675	Công ty CPDP SaVi	1123055
Hộp 1 tuýp 15g	48	VD-32290-19	Công ty Cổ phần Dược Medipharmco	Việt Nam	Tuýp	28,980	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Sen	1123057
Hộp/ 1 vỉ x 10 viên	36	VN-19193-15	Noucor Health, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	6,500	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	1123064
Hộp/ 1 chai 120ml	30	VN2-504-16	Italfarmaco, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	120,000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh	1123064
Hộp 2 vỉ x 14 viên	36	VN - 22604-20	Anfarm hellas S.A	Greece	Viên	28,350	Công ty TNHH DP Đức Anh	1123065
Hộp 2 vỉ x 14 viên	36	VN-19853-16	Genepharma.SA	Greece	Viên	5,480	Công ty TNHH DP Đức Anh	1123065

Hộp 10 vỉ x 10 viên	48	VN-20558- 17	Medoche mie Ltd - Factory AZ	Cyprus	Viên	1,490	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim	1123068
Hộp 1 tuýp 10g	36	VD-35578- 22	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	8,900	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	1123069
Hộp 1 lọ 60ml	36	VN-20422- 17	Gracure Pharmace uticals Ltd.	ấn Độ	Chai	65,000	Công Ty Cổ Phần Dược Đại Nam	1123070
Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36	89311023 9323	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	7,140	Công ty TNHH Dược phẩm Niềm Tin	1123073
Hộp/10 vỉ x 10 viên	36	VD-28991- 18	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	1,250	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1123079
Thùng/20 chai nhựa x 500ml	36	VD-28252- 17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	7,587	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1123079
Hộp/1 chai x 100ml	24	VN-22277- 19	Akums Drugs and Pharmace uticals Ltd.	India	Chai	120,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA	1123079

Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 100 viên; Hộp 1 lọ x 200 viên	36	893110061623	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Viên	880	Công ty cổ phần dược phẩm Nhật Quang	1123082
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-29467-18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	599	Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Và Dược Phẩm Nguyên Phát	1123088
Hộp/10 vỉ x 10 viên	60	VD-23978-15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	480	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM	1123100
Hộp 6 vỉ x 5 viên	36	VN-19599-16	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	Viên	15,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP	1123102
Hộp 1 lọ 28 viên	36	VN-22239-19	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	5,775	Công ty TNHH đầu tư nhập khẩu dược Đông Nam á	1123104

Hộp 30 ống x 5ml	36	VD-25649-16	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ống	1,680	Công Ty TNHH Dược Phẩm AT & C	1123116
Hộp 1 lọ x 500 viên	36	VD-28783-18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	115	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 1 vỉ x 10 viên	36	VD-24082-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1,890	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VD-31043-18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1,010	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VD-23441-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	880	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 1 lọ x 200 viên	36	VD-18188-13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	99	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	VD-25092-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	4,270	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	89311009 4623 (VD-26068-17)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2,290	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 1 lọ x 100 viên	36	VD-23443-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	294	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	VD-31523-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2,310	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 2 vỉ x 15 viên	36	VD-26682-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	398	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140

Hộp 4 vỉ x 10 viên	36	VD-18906- 13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2,500	Công ty Cổ phần Dược Danapha	1123140
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-22945- 15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	134	Công ty CPDP Minh Dân	1123144
Hộp 3 vỉ x 10 viên	24	VD-31723- 19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexphar m Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	7,350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexphar m	1123146
Hộp 1 vỉ x 10 viên	36	VD-22628- 15	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESC O	Việt Nam	Viên	4,600	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESC O	1123147
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-29099- 18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	2,200	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long	1123148

Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-22801- 15	CN Cty CPDP Agimexph arm - Nhà máy SX DP Agimexph arm	Việt Nam	Viên	132	Công ty CP Dược Phẩm Agimexph arm	1123149
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-14666- 11	CN Cty CPDP Agimexph arm - Nhà máy SX DP Agimexph arm	Việt Nam	Viên	235	Công ty CP Dược Phẩm Agimexph arm	1123149
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD3-186- 22	Công ty CPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	470	Công ty CPDP Vĩnh Phúc	1123152
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-20763- 14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	725	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	1123158
Chai 200 viên	36	VD-31750- 19	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	198	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	1123158
Hộp 6 vỉ x 10 viên	24	VD-34468- 20	Công ty TNHH Liên doanh Stellaphar m - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2,250	CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD STAR PHARM	1123160

Hộp 10 vỉ x 6 viên	36	VD-26005- 16	Công ty CP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	1,250	Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận	1123161
Hộp 50 ống x 2ml	36	VD-25858- 16	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	ống	1,020	Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận	1123161
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VN-16379- 13	Sun Pharmace utical Industries Ltd	ấn Độ	Viên	500	Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận	1123161
Hộp 1 tuýp 30 gam	60	VD-28278- 17	Công ty cổ phần Dược Medipharc o	Việt Nam	Tuýp	26,500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG	1123162
Hộp 1 tuýp 10 gam	48	VD-23196- 15	Công ty cổ phần Dược Medipharc o	Việt Nam	Tuýp	5,700	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG	1123162
Hộp 01 tuýp x 10g	36	VD-33668- 19	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Tuýp	14,700	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG	1123162

Hộp 1 tuýp 10 gam	36	VD-23197- 15	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	4,600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG	1123162
Hộp 1 tuýp 15 gam	36	VD-28279- 17	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	14,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG	1123162
Hộp 03 vỉ x 10 viên	36	VD-34850- 20	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Viên	8,200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG	1123162

BV DL TT	Thành tiền
2,000	7,800,000
9,900	178,200,000
	-
4,000	56,800,000
4	200,000
	-
15,000	73,500,000
	-

300	36,000,000
	-
20	122,000
200	1,336,000
	-
5,000	6,825,000
500,000	720,000,000
	-
50,000	20,750,000

400	19,200,000
4,000	3,200,000
	-
500	12,000,000
30,000	25,500,000
150,000	183,750,000
	-
5,000	5,985,000
	-

3,000	24,000,000
	-
200	378,000
	-
5,000	46,500,000
	-
400	24,400,000
5,000	174,500,000
	-
1,000	17,000,000

	-
1,000	1,575,000
	-
3,000	11,025,000
	-
500	14,490,000
	-
20,000	130,000,000
100	12,000,000
	-
3,000	85,050,000
50,000	274,000,000
	-

13,000	19,370,000
	-
2,000	17,800,000
	-
500	32,500,000
	-
10,000	71,400,000
	-
560,000	700,000,000
20	151,740
800	96,000,000
	-

6,000	5,280,000
	-
100,000	59,900,000
	-
400,000	192,000,000
	-
15,000	225,000,000
	-
2,000	11,550,000
	-

5,000	8,400,000
	-
100,000	11,500,000
50,000	94,500,000
15,000	15,150,000
4,500	3,960,000
200,000	19,800,000
3,000	12,810,000
430,000	984,700,000
25,000	7,350,000
56,100	129,591,000
500,000	199,000,000

250,000	625,000,000
	-
5,000	670,000
	-
3,000	22,050,000
	-
2,000	9,200,000
	-
30,000	66,000,000
	-

25,000	3,300,000
100,000	23,500,000
	-
30,000	14,100,000
	-
7,000	5,075,000
30,000	5,940,000
	-
3,000	6,750,000
	-

2,000	2,500,000
200	204,000
210,000	105,000,000
	-
4,000	106,000,000
1,000	5,700,000
1,000	14,700,000

4,000	18,400,000
600	8,400,000
1,000	8,200,000

DANH MỤC THUỐC GENERIC SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN

STT	Mã hàng	Thông tư số 20	Nhóm TCKT	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ - Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng
1	G10220	1007	2	Totcal Soft capsule	Calci carbonat + vitamin D3	750mg + 0,1mg	Viên nang mềm	Uống
2	G11143	922	1	Torendo Q - Tab 2mg	Risperidon	2mg	Viên nén phân tán trong miệng	Uống
3	G11171	637	4	Dibetalic	Salicylic acid + Betamethason dipropionat	(450mg + 9,6mg)/15 g	Thuốc mỡ bôi da	Dùng ngoài
4	G11170	962	1	Buto-Asma	Salbutamol sulfat	100mcg/liều	Khí dung đã chia liều	Đường hô hấp
5	G10536	106	3	Fegra 180	Fexofenadin	180mg	Viên nén bao phim	Uống
6	G10233	606	4	Pomonola c	Calcipotriol	0,75mg	Thuốc mỡ bôi da	Dùng ngoài
7	G10905	666	4	NATRI CLORID 0,9%	Natri clorid	0,9%;500 ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền
8	G11138	1001	4	LACTATED RINGER'S	Ringer lactat	500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm truyền
9	G10735	917	1	Tisercin	Levomepromazin	25mg	viên nén bao phim	uống
10	G11072	949	1	Piracetam-Egis	Piracetam	400mg	viên nén bao phim	uống

11	G10966	920	2	Zapnex-5	Olanzapin	5mg	Viên nén bao phim	Uống
12	G11247	423	4	Tacropic 0,03%	Tacrolimus	0,03%	Thuốc mỡ bôi ngoài da	Dùng ngoài
13	G11196	451	4	Enpovid FE- FOLIC	Sắt sulfat + acid folic	60mg + 0,25mg	Viên nang cứng	Uống
14	G10397	616	4	Crotamito n Stella 10%	Crotamiton	2g/20g	kem bôi da	dùng ngoài
15	G10760	109	3	Lorastad 10 Tab.	Loratadin	10mg	viên nén	uống
16	G11078	949	1	Pracetam 800	Piracetam	800mg	viên nén bao phim	uống
17	G11371	1031	4	Hasan-C 500	Vitamin C	500mg	Viên nén sủi bọt	Uống
18	G11292	925	1	Grandaxin	Tofisopam	50mg	Viên nén	Uống
19	G10954	633	4	Nước oxy già 3%	Nước oxy già	(3%), mỗi 20ml chứa 1,2g, chai 60ml	Dung dịch dùng ngoài	Dùng ngoài
20	G10179	95	1	Bilaxten	Bilastine	20mg	Viên nén	Uống
21	G10039	599	4	Tradalen	Adapalen	0,1%; 10g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài

22	G10870	628	4	Thazolxen	Mometason furoat	(0,1g/100g); 5g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài
23	G10565	624	4	Fucipa-B	Fusidic acid + betamethason	(100mg + 5mg);5g	Thuốc kem bôi da	Dùng ngoài
24	G10407	101	4	DESLOM EYER	Desloratadin	Mỗi 5ml chứa Desloratadin 2,5mg	Dung dịch uống	Uống
25	G11335	938	2	Ventizam 37,5	Venlafaxin	37,5 mg	Viên nén	Uống
26	G10632	754	4	Forsancort	Hydrocortison	1%/15g	Kem bôi da	Dùng ngoài
27	G11156	113	1	Rupafin	Rupatadine	10mg	Viên nén	Uống
28	G11157	113	1	Rupafin	Rupatadine	120mg/120ml	Dung dịch uống	Uống
29	G10455	913	1	Sulbenin 5mg/Tab	Donepezil	5mg	Viên nén bao phim	Uống
30	G10965	920	1	Nykob 5mg	Olanzapin	5mg	Viên phân tán tại miệng	Uống
31	G10462	247	1	Cyclindox 100mg	Doxycyclin	Doxycyclin (dưới dạng Doxycyclin hyclat)	Viên nang cứng	Uống
32	G10370	610	4	Derminate	Clobetasol propionat	0,05%; 10g	Kem bôi da	Dùng ngoài
33	G10412	101	2	Desbebe	Desloratadin	30mg/60ml	Si rô	Uống
34	G11261	308	4	Mudisil 250	Terbinafin (hydroclorid)	250mg	Viên nén	Uống
35	G10544	344	3	MIRENZE 5	Flunarizin	5mg	Viên nén	Uống
36	G10610	992	4	GLUCOSE 5%	Glucose	5%/500ml	Dung dịch tiêm truyền	Tiêm truyền tĩnh mạch

37	G11323	157	5	BRAIPOR IN SYRUP	Valproat natri	200mg/5ml; 100ml	Siro uống	Uống
38	G10842	755	3	Methylprednisolon 4mg	Methyl prednisolon	4mg	Viên nén	Uống
39	G11342	1022	4	Vitamin AD	Vitamin A + D3	4000UI + 400UI	Viên nang mềm	Uống
40	G10995	56	1	PARTAMOL TAB.	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	Viên nén	Uống
41	G10672	300	1	Spulit	Itraconazol	100mg	Viên nang cứng	Uống
42	G10971	682	1	Medoome 40mg Gastro- resistant capsules	Omeprazol	40mg	Viên nang kháng acid dạ dày	Uống
43	G10684	724	4	A.T Zinc siro	Kẽm gluconat	70mg/5ml	Dung dịch uống	Uống
44	G10375	910	4	Aminazin 25mg	Clorpromazin	25mg	Viên nén bao đường	Uống
45	G10532	106	3	Danapha - Telfadin	Fexofenadin	60mg	Viên nén bao phim	Uống
46	G10549	931	2	Nufotin	Fluoxetin	20mg	Viên nang cứng	Uống
47	G10566	149	2	Neupenca p	Gabapentin	300mg	Viên nang cứng	Uống

48	G10623	916	4	Haloperidol 2mg	Haloperidol	2mg	Viên nén	Uống
49	G10717	151	2	Levipiram	Levetiracetam	500mg	Viên nén bao phim	Uống
50	G10967	920	3	Olanxol	Olanzapin	10mg	Viên nén bao phim	Uống
51	G11058	154	4	Phenytoin 100mg	Phenytoin	100mg	Viên nén	Uống
52	G11144	922	3	Risdontab 2	Risperidon	2mg	Viên nén bao phim	Uống
53	G11243	923	2	Sulpirid 50mg	Sulpirid	50mg	Viên nén	Uống
54	G11324	157	4	Dalekine 500	Valproat natri	500mg	Viên nén bao phim tan trong ruột	Uống
55	G10859	221	4	Metronidazol 250mg	Metronidazol	250mg	Viên nén	Uống
56	G10977	205	2	Oxacillin IMP 500mg	Oxacilin	500mg	Viên nang cứng	Uống
57	G10727	234	4	Dovocin 750 mg	Levofloxacin	750mg	Viên nén bao phim	Uống
58	G10079	928	2	Amitriptyline Hydrochloride 25mg	Amitriptylin hydroclorid	25mg	Viên nén bao phim	Uống
59	G10683	724	4	ZINC 10	Kẽm gluconat	10mg	Viên nén	Uống
60	G11340	1021	4	AGIREN YL	Vitamin A	5.000IU	Viên nang	Uống

61	G11378	1034	4	Vinpha E	Vitamin E	400IU	Viên nang mềm	Uống
62	G10848	755	3	Methylprednisolon 16	Methyl prednisolon	16mg	Viên nén	Uống
63	G11381	1037	4	Vitamin PP	Vitamin PP	500mg	Viên nén bao phim	Uống
64	G11338	950	2	VINCEST AD 5	Vinpocetin	5mg	Viên nén	Uống
65	G10152	226	4	Zaromax 250	Azithromycin	250mg	Viên nén bao phim	Uống
66	G10575	213	4	Gentamicin 80mg	Gentamicin	80mg/2ml	Dung dịch tiêm	Tiêm
67	G11322	157	5	Encorate	Valproat natri	200mg	Viên nén bao phim tan ở ruột	Uống
68	G10175	747	4	Betamethason	Betamethason	0,064%/30g	Gel bôi da	Dùng ngoài
69	G10381	609	4	Cafunten	Clotrimazol	1%/10g	Kem bôi da	Dùng ngoài
70	G10383	310	4	Lobetasol	Clotrimazol + Betamethason	100mg + 6,4mg	Kem bôi da	Dùng ngoài
71	G10690	301	4	Ketoconazol	Ketoconazol	2%/10g	Kem bôi da	Dùng ngoài
72	G10861	221	4	Gelacmeigel	Metronidazol	1%-15g	Gel bôi da	Dùng ngoài
73	G11106	155	4	Topgalin 300	Pregabalin	300mg	Viên nang cứng	Uống

LIÊN CHUYÊN KHOA DA LIỄU TÂM THẦN NĂM 2023-2024

Quy cách đóng gói	Hạn dùng (tháng)	SĐK hoặc GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá	Tên Nhà thầu
Hộp 20 vỉ x 5 viên	36	VN-20600-17	Dongkoo Bio & Pharma Co., Ltd	Hàn Quốc	Viên	3,900	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VN-22952-21	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	18,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1
Hộp 1 tube 15g	24	VD-23251-15	Công ty TNHH Traphaco Hưng Yên	Việt Nam	Tube	14,200	Công ty Cổ phần Traphaco
Hộp 1 bình xịt chứa 200 liều (10ml) + đầu xịt định liều	36	VN-16442-13	Laboratorio Aldo-Unión SL.	Tây Ban Nha	Bình	50,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm Thiết bị y tế Hà Nội
Hộp 01 vỉ x 10 viên	36	VD-20324-13	Công ty cổ phần Pymepharco	Việt Nam	Viên	4,900	Công ty cổ phần dược phẩm & thiết bị y tế Phúc Lộc
Hộp 1 tuýp 15g	24	VD-27096-17	Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2	Việt Nam	Tuýp	120,000	Công ty TNHH Dược phẩm HQ
Thùng 20 chai	24	893110118423	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	6,100	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
Thùng 20 chai	24	893110118323	Công ty cổ phần kỹ thuật Dược Bình Định	Việt Nam	Chai	6,680	Công ty TNHH MTV Dược Sài Gòn
Hộp 1 lọ 50 viên	60	599110027023 (VN-19943-16)	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	viên	1,365	Công ty TNHH Dược Phẩm Tín Đức
Hộp 1 lọ 60 viên	36	VN-16481-13	Egis Pharmaceuticals Private Limited Company	Hungary	viên	1,440	Công ty TNHH Dược Phẩm Tín Đức

Hộp 6 vỉ (Alu-Alu) x 10 viên; hộp 10 (PVC-Alu) vỉ x 10 viên	36	VD-27457- 17	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Viên	415	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức
Hộp 1 tuýp 10g	36	VD-32813- 19	Công ty cổ phần dược phẩm Đạt Vi Phú	Việt Nam	Tuýp	48,000	Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị y tế Hoàng Đức
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-20049- 13	Công ty cổ phần S.P.M	Việt Nam	Viên	800	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM ĐÔ THÀNH
Hộp 1 tuýp 20g	24	VD-24574- 16	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm	Việt Nam	tuýp	24,000	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy
Hộp 2 vỉ x 10 viên	60	VD-23354- 15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	850	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy
Hộp 6 vỉ x 15 viên	36	VD-18538- 13	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	viên	1,225	Công ty TNHH Dược phẩm Khương Duy
Hộp 3 vỉ, 5 vỉ, 10 vỉ x 4 viên	24	VD-36242- 22	Công ty TNHH Hasan - Dermapharm	Việt Nam	viên	1,197	Công ty TNHH Dược phẩm Việt Đức
Hộp 2 vỉ x 10 viên	36	VN-15893- 12	Egis Pharmaceuticals Private Limited company	Hungary	Viên	8,000	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Việt Hà
Chai 60ml	36	VD-33500- 19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm OPC tại Bình Dương - Nhà máy dược phẩm OPC	Việt Nam	Chai	1,890	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM OPC
Hộp 1 vỉ x 10 viên	60	VN2-496- 16	A. Menarini Manufacturing Logistics and Services S.r.l	ý	Viên	9,300	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC LIỆU TRUNG ƯƠNG 2
Hộp 01 tuýp 10g	36	VD-33081- 19	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	61,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Tây Sơn

Hộp 01 tuýp 5g	36	VD-33080-19	Công ty Cổ Phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Tuýp	34,900	Công ty TNHH Dược Phẩm Tây Sơn
Hộp 1 tuýp 5g	24	VD-31488-19	Công ty cổ phần dược Apimed	Việt Nam	Tuýp	17,000	Công ty TNHH Dược Phẩm Phạm Anh
Hộp 20 gói x 5ml	24	VD-32323-19	Công ty Liên doanh Meyer-BPC	Việt Nam	Gói	1,575	Công ty TNHH Dược Phẩm Anh Mỹ
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VD-29135-18	Công ty CPDP SaVi	Việt Nam	Viên	3,675	Công ty CPDP SaVi
Hộp 1 tuýp 15g	48	VD-32290-19	Công ty Cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	28,980	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoa Sen
Hộp/ 1 vỉ x 10 viên	36	VN-19193-15	Noucor Health, S.A.	Tây Ban Nha	Viên	6,500	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh
Hộp/ 1 chai 120ml	30	VN2-504-16	Italfarmaco, S.A.	Tây Ban Nha	Chai	120,000	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Đan Thanh
Hộp 2 vỉ x 14 viên	36	VN - 22604-20	Anfarm hellas S.A	Greece	Viên	28,350	Công ty TNHH DP Đức Anh
Hộp 2 vỉ x 14 viên	36	VN-19853-16	Genepharm.SA	Greece	Viên	5,480	Công ty TNHH DP Đức Anh
Hộp 10 vỉ x 10 viên	48	VN-20558-17	Medochemie Ltd - Factory AZ	Cyprus	Viên	1,490	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Thiên Kim
Hộp 1 tuýp 10g	36	VD-35578-22	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên	Việt Nam	Tuýp	8,900	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên
Hộp 1 lọ 60ml	36	VN-20422-17	Gracure Pharmaceuticals Ltd.	ấn Độ	Chai	65,000	Công Ty Cổ Phần Dược Đại Nam
Hộp 3 vỉ, 10 vỉ x 10 viên	36	89311023 9323	Công ty TNHH dược phẩm BV Pharma	Việt Nam	Viên	7,140	Công ty TNHH Dược phẩm Niềm Tin
Hộp/10 vỉ x 10 viên	36	VD-28991-18	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Việt Nam	Viên	1,250	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
Thùng/20 chai nhựa x 500ml	36	VD-28252-17	Công ty cổ phần Fresenius Kabi Việt Nam	Việt Nam	Chai	7,587	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA

Hộp/1 chai x 100ml	24	VN-22277- 19	Akums Drugs and Pharmaceuticals Ltd.	India	Chai	120,000	CÔNG TY CỔ PHẦN GONSA
Hộp 1 vỉ x 10 viên; Hộp 3 vỉ x 10 viên; Hộp 5 vỉ x 10 viên; Hộp 10 vỉ x 10 viên; Hộp 1 lọ x 100 viên; Hộp 1 lọ x 200 viên	36	89311006 1623	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh	Việt Nam	Viên	880	Công ty cổ phần dược phẩm Nhật Quang
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-29467- 18	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây	Việt Nam	Viên	599	Công Ty TNHH Trang Thiết Bị Y Tế Và Dược Phẩm Nguyên Phát
Hộp/10 vỉ x 10 viên	60	VD-23978- 15	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	480	CÔNG TY TNHH SAN TA VIỆT NAM
Hộp 6 vỉ x 5 viên	36	VN-19599- 16	S.C. Slavia Pharm S.R.L.	Romania	Viên	15,000	Công ty Cổ phần Dược phẩm IP
Hộp 1 lọ 28 viên	36	VN-22239- 19	KRKA, D.D., Novo Mesto	Slovenia	Viên	5,775	Công ty TNHH đầu tư nhập khẩu dược Đông Nam á
Hộp 30 ống x 5ml	36	VD-25649- 16	Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên	Việt Nam	ống	1,680	Công Ty TNHH Dược Phẩm AT & C
Hộp 1 lọ x 500 viên	36	VD-28783- 18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	115	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 1 vỉ x 10 viên	36	VD-24082- 16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1,890	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VD-31043- 18	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	1,010	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 3 vỉ x 10 viên	36	VD-23441- 15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	880	Công ty Cổ phần Dược Danapha

Hộp 1 lọ x 200 viên	36	VD-18188-13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	99	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	VD-25092-16	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	4,270	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	893110094623 (VD-26068-17)	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2,290	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 1 lọ x 100 viên	36	VD-23443-15	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	294	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 5 vỉ x 10 viên	36	VD-31523-19	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2,310	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 2 vỉ x 15 viên	36	VD-26682-17	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	398	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 4 vỉ x 10 viên	36	VD-18906-13	Công ty Cổ phần Dược Danapha	Việt Nam	Viên	2,500	Công ty Cổ phần Dược Danapha
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-22945-15	Công ty CPDP Minh Dân	Việt Nam	Viên	134	Công ty CPDP Minh Dân
Hộp 3 vỉ x 10 viên	24	VD-31723-19	Chi nhánh công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc	Việt Nam	Viên	7,350	Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm
Hộp 1 vỉ x 10 viên	36	VD-22628-15	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO	Việt Nam	Viên	4,600	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-29099-18	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Việt Nam	Viên	2,200	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-22801-15	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	132	Công ty CP Dược Phẩm Agimexpharm
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-14666-11	CN Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SX DP Agimexpharm	Việt Nam	Viên	235	Công ty CP Dược Phẩm Agimexpharm

Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD3-186- 22	Công ty CPDP Vĩnh Phúc	Việt Nam	Viên	470	Công ty CPDP Vĩnh Phúc
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VD-20763- 14	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	725	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
Chai 200 viên	36	VD-31750- 19	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa	Việt Nam	Viên	198	Công ty cổ phần Dược phẩm Khánh Hòa
Hộp 6 vỉ x 10 viên	24	VD-34468- 20	Công ty TNHH Liên doanh Stellapharm - Chi nhánh 1	Việt Nam	Viên	2,250	CÔNG TY CỔ PHẦN GOLD STAR PHARM
Hộp 10 vỉ x 6 viên	36	VD-26005- 16	Công ty CP Dược Hậu Giang - CN nhà máy DP DHG tại Hậu Giang	Việt Nam	viên	1,250	Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận
Hộp 50 ống x 2ml	36	VD-25858- 16	Công ty CP Dược VTYT Hải Dương	Việt Nam	ống	1,020	Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận
Hộp 10 vỉ x 10 viên	36	VN-16379- 13	Sun Pharmaceutical Industries Ltd	ấn Độ	Viên	500	Công ty cổ phần Dược và VTYT Ninh Thuận
Hộp 1 tuýp 30 gam	60	VD-28278- 17	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	26,500	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG
Hộp 1 tuýp 10 gam	48	VD-23196- 15	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	5,700	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG
Hộp 01 tuýp x 10g	36	VD-33668- 19	Công ty cổ phần dược và vật tư y tế Bình Thuận	Việt Nam	Tuýp	14,700	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG
Hộp 1 tuýp 10 gam	36	VD-23197- 15	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	4,600	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG
Hộp 1 tuýp 15 gam	36	VD-28279- 17	Công ty cổ phần Dược Medipharco	Việt Nam	Tuýp	14,000	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG
Hộp 03 vỉ x 10 viên	36	VD-34850- 20	Công ty cổ phần US Pharma USA	Việt Nam	Viên	8,200	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM PHAN RANG

Mã nhà thầu	BV DL TT	Thành tiền
1123001	2,000	7,800,000
1123001	9,900	178,200,000
1123002	4,000	56,800,000
1123004	4	200,000
1123016	15,000	73,500,000
1123018	300	36,000,000
1123028	20	122,000
1123028	200	1,336,000
1123029	5,000	6,825,000
1123029	500,000	720,000,000

1123031	50,000	20,750,000
1123031	400	19,200,000
1123032	4,000	3,200,000
1123033	500	12,000,000
1123033	30,000	25,500,000
1123033	150,000	183,750,000
1123037	5,000	5,985,000
1123039	3,000	24,000,000
1123042	200	378,000
1123043	5,000	46,500,000
	400	24,400,000

1123044	5,000	174,500,000
1123049	1,000	17,000,000
1123051	1,000	1,575,000
1123055	3,000	11,025,000
1123057	500	14,490,000
1123064	20,000	130,000,000
1123064	100	12,000,000
1123065	3,000	85,050,000
1123065	50,000	274,000,000
1123068	13,000	19,370,000
1123069	2,000	17,800,000
1123070	500	32,500,000
1123073	10,000	71,400,000
1123079	560,000	700,000,000
1123079	20	151,740

1123079	800	96,000,000
1123082	6,000	5,280,000
1123088	100,000	59,900,000
1123100	400,000	192,000,000
1123102	15,000	225,000,000
1123104	2,000	11,550,000
1123116	5,000	8,400,000
1123140	100,000	11,500,000
1123140	50,000	94,500,000
1123140	15,000	15,150,000
1123140	4,500	3,960,000

1123140	200,000	19,800,000
1123140	3,000	12,810,000
1123140	430,000	984,700,000
1123140	25,000	7,350,000
1123140	56,100	129,591,000
1123140	500,000	199,000,000
1123140	250,000	625,000,000
1123144	5,000	670,000
1123146	3,000	22,050,000
1123147	2,000	9,200,000
1123148	30,000	66,000,000
1123149	25,000	3,300,000
1123149	100,000	23,500,000

1123152	30,000	14,100,000
1123158	7,000	5,075,000
1123158	30,000	5,940,000
1123160	3,000	6,750,000
1123161	2,000	2,500,000
1123161	200	204,000
1123161	210,000	105,000,000
1123162	4,000	106,000,000
1123162	1,000	5,700,000
1123162	1,000	14,700,000
1123162	4,000	18,400,000
1123162	600	8,400,000
1123162	1,000	8,200,000